



**anviet**  
Certified Public Accountants

**Công ty TNHH Kiểm toán An Việt**  
[www.anvietcpa.com](http://www.anvietcpa.com)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần)  
đến ngày 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần)  
đến ngày 31/12/2021

Hà Nội, tháng 5 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 27



## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Heaven Power (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021.

### BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên Ban Lãnh đạo (được bổ nhiệm ngày 21/10/2021) đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Thành Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



**Phan Thành Đạt**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022



Số: 157/2022/BCKT-AVI-TC1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Heaven Power

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Heaven Power (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04/05/2022, từ trang số 05 đến trang số 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Heaven Power tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021 là kỳ đầu tiên lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, theo đó số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho kỳ hoạt động từ ngày ngày 01/01/2021 đến 20/10/2021 (kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty Cổ phần Heaven Power khi còn là công ty TNHH) đã được kiểm toán, do đó số liệu có thể không so sánh được.



---

**Ngô Việt Thanh**  
**Phó Tổng giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

---

**Đoàn Thu Hằng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

11  
ÔN  
NH  
EM  
N  
TR  
04  
G  
PH  
V  
VI  
10

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	21/10/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>153.829.342.719</b>	<b>201.888.992.163</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.364.625.769</b>	<b>1.374.153.273</b>
1. Tiền	111	6	4.364.625.769	1.374.153.273
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>115.587.416.725</b>	<b>195.556.047.082</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	7.101.166.248	789.681.986
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.047.278.769	99.500.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	102.132.500.000	194.240.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.306.471.708	426.865.096
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.356.754.093</b>	<b>224.717.523</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	1.356.754.093	224.717.523
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.520.546.132</b>	<b>4.734.074.285</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.167.301.589	76.278.262
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.353.244.543	4.657.796.023
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>399.271.812.423</b>	<b>52.547.230.452</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.435.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.435.000.000	400.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>395.323.983.878</b>	<b>51.430.290.970</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	395.323.983.878	51.430.290.970
- Nguyên giá	222		430.033.592.163	54.862.628.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.709.608.285)	(3.432.337.867)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.512.828.545</b>	<b>716.939.482</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.512.828.545	716.939.482
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>553.101.155.142</b>	<b>254.436.222.615</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B01 - DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	31/12/2021	21/10/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>335.896.436.135</b>	<b>44.942.579.080</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60.636.720.851</b>	<b>8.192.579.080</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	6.036.536.145	2.492.247.681
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	665.268.336	139.032.002
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.757.030.202	511.299.397
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	49.177.886.168	5.050.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>275.259.715.284</b>	<b>36.750.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	275.142.327.528	36.750.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		117.387.756	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>217.204.719.007</b>	<b>209.493.643.535</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>217.204.719.007</b>	<b>209.493.643.535</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.331.664.665	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.126.945.658)	(506.356.465)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(506.356.465)	(127.945.054)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(620.589.193)	(378.411.411)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>553.101.155.142</b>	<b>254.436.222.615</b>

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập



Nguyễn Lê Nam Hải

Kế toán trưởng



Lê Thị Trang



Tổng Giám đốc

Phan Thành Đạt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B02 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>11.271.204.324</b>	<b>7.901.688.494</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>11.271.204.324</b>	<b>7.901.688.494</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	19	7.242.466.468	4.444.167.811
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>4.028.737.856</b>	<b>3.457.520.683</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.414.504.662	231.659.809
7. Chi phí tài chính	22		6.148.244.785	3.456.017.746
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.148.244.785	3.456.017.746
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	537.886.428	428.212.467
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(242.888.695)</b>	<b>(195.049.721)</b>
12. Thu nhập khác	31		1.929.535	-
13. Chi phí khác	32		72.720.018	45.020.052
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(70.790.483)</b>	<b>(45.020.052)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(313.679.178)</b>	<b>(240.069.773)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	189.522.259	138.341.638
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	117.387.756	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(620.589.193)</b>	<b>(378.411.411)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(620.589.193)	(378.411.411)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>(30)</b>	<b>-</b>

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập



Nguyễn Lê Nam Hải

Kế toán trưởng



Lê Thị Trang

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đạt



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B03 - DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(313.679.178)	(240.069.773)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.622.825.068	3.387.767.676
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.414.504.662)	(231.659.809)
- Chi phí lãi vay	06	6.148.244.785	3.456.017.746
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.042.886.013	6.372.055.840
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	34.745.502.123	18.854.908.008
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.132.036.570)	(224.717.523)
- Tăng, giảm khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(3.248.004.284)	(6.673.994.929)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	31.974.042	(274.504.163)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.485.407.905)	(3.670.108.072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.954.913.419	14.383.639.161
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(748.256.436)	(10.318.768.779)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.855.000.000)	(199.080.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	186.960.500.000	6.840.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(175.117.666.146)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.369.773	4.794.713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.740.052.809)	(202.553.974.066)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	200.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	4.675.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.224.388.114)	(16.475.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.224.388.114)	188.200.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.990.472.496	29.665.095
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.374.153.273	1.344.488.178
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.364.625.769	1.374.153.273

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lê Nam Hải

Lê Thị Trang

Phan Thành Đạt



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu**

Công ty Cổ phần Heaven Power là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Alpha Solar 1. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020. Ngày 20/10/2021, Chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios (nay là Công ty Cổ phần Helio Power) đã quyết định chuyển đổi Công ty từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CSH. Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/10/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 21/10/2021 là 210.000.000.000 đồng tương ứng với 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9B, tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 09 người.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc của Công ty**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty sở hữu trực tiếp 26 công ty con đều có hoạt động chính là sản xuất điện với thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	100%	Hà Nội
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	100%	Hà Nội
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	100%	Hà Nội
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	100%	Hà Nội
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	100%	Bình Thuận
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	100%	Đắk Lắk
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	100%	Đắk Lắk
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	100%	Đắk Lắk
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	100%	Đắk Lắk
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	100%	Đắk Lắk
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	100%	Đắk Lắk
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	100%	Đắk Lắk
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	100%	Đắk Lắk
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	100%	Đắk Lắk
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	100%	Đắk Lắk
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%	100%	Đắk Lắk
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	100%	Đắk Lắk
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	100%	Đắc Nông
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	100%	Đắc Nông
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	100%	Đắc Nông
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	100%	Đắc Nông

## 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 là báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong Công ty được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.



### Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một hoặc nhiều đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty và các công ty con tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

#### Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.



Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 15
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, trong đó:

- Chi phí thuê đất, thuê mái nhà xưởng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả tiền trước;
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn).

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả cho nhà thầu..., trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay;
- Chi phí phải trả cho nhà thầu của các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm cuối năm nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu, quyết toán.

### Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo



cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

### Ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên biên bản xác nhận lượng điện giao nhận giữa Công ty và khách hàng là các công ty điện lực hoặc xác định dựa trên sản lượng điện được công bố trên website của Tổng công ty Điện lực Miền Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

**Doanh thu hoạt động tài chính** phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cho vay được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ;

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

**5. HỢP NHẤT KINH DOANH DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG**

Trong kỳ, Công ty nhận chuyển nhượng 100% vốn góp tại 26 công ty con từ các bên liên quan là ông Phan Thành Đạt (Tổng Giám đốc) và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli (trước là Công ty Cổ phần Helio Power). Theo đó, từ ngày 22/10/2021 các đơn vị này trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ sở hữu là 100%.

Giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và tài sản thuần của các công ty con tại ngày mua được trình bày như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua VND</b>
<b>Tài sản</b>	
Tiền	9.687.833.854
Các khoản phải thu ngắn, dài hạn	105.621.205.847
Tài sản ngắn hạn khác	27.849.223.114
Chi phí trả trước	1.918.886.432
Tài sản cố định hữu hình	350.516.517.976
<b>Cộng</b>	<b><u>495.593.667.223</u></b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Nợ ngắn hạn	15.965.315.562
Nợ dài hạn	286.491.186.996
<b>Cộng</b>	<b><u>302.456.502.558</u></b>
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ (a)</b>	<b>193.137.164.665</b>
Cổ đông không kiểm soát (b)	-
Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu (c)	8.331.664.665
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán (d=a-b-c)</b>	<b><u>184.805.500.000</u></b>
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ mua công ty con</b>	
Tiền thu về từ công ty con	9.687.833.854
Tiền chi để mua công ty con	(184.805.500.000)
<b>Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua</b>	<b><u>(175.117.666.146)</u></b>

## 6. TIỀN

	<u>31/12/2021</u>	<u>21/10/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.710.176.000	5.810.000
Tiền gửi ngân hàng	2.654.449.769	1.368.343.273
<b>Cộng</b>	<b><u>4.364.625.769</u></b>	<b><u>1.374.153.273</u></b>

## 7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2021</u>	<u>21/10/2021</u>
	VND	VND
Công ty Điện Lực Đắk Lắk - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Trung	2.922.267.176	-
Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	678.187.596	302.123.072
Công ty Điện lực Bình Dương	1.247.054.550	111.672.561
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	823.398.060	255.151.454
Công ty Điện lực Bình Thuận	645.030.354	120.734.899
Công ty Điện lực Đắk Nông	785.228.512	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.101.166.248</u></b>	<b><u>789.681.986</u></b>

## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>31/12/2021</u>	<u>21/10/2021</u>
	VND	VND
Bà Lê Thị Hải Hà	16.923.000.000	-
Ông Trịnh Nam Thắng	14.240.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhật	13.900.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Dung	13.720.000.000	-
Bà Lê Thị Phương	12.990.000.000	-
Ông Lê Hải Long	10.370.000.000	-
Bà Đặng Thị Minh Tâm	4.290.000.000	-
Ông Đào Quang Tùng	7.429.500.000	193.050.000.000
Các cá nhân khác	8.270.000.000	1.190.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>102.132.500.000</u></b>	<b><u>194.240.000.000</u></b>

Đây là các khoản cho vay cá nhân theo hợp đồng cho vay phát sinh trong kỳ với lãi suất là 12%/năm, thời hạn vay còn lại dưới 12 tháng, phát sinh tại Công ty mẹ và các công ty con. Tài sản đảm bảo của các khoản vay này là cổ phần/vốn góp tại bên thứ ba thuộc sở hữu của các cá nhân này. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty mẹ và các công ty con đã thu hồi được số tiền là 102 tỷ đồng.

## 9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		21/10/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.306.471.708</b>	-	<b>426.865.096</b>	-
Tạm ứng	500.000.000	-	-	-
Lãi cho vay	4.635.917.426	-	226.865.096	-
Ký cược, ký quỹ	168.417.919	-	200.000.000	-
Các khoản khác	2.136.363	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.435.000.000</b>	-	<b>400.000.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	2.435.000.000	-	400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.741.471.708</b>	-	<b>826.865.096</b>	-

## 10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		21/10/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động nông nghiệp	1.356.754.093	-	224.717.523	-
<b>Cộng</b>	<b>1.356.754.093</b>	-	<b>224.717.523</b>	-

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	21/10/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.167.301.589</b>	<b>76.278.262</b>
Chi phí thuê mái, thuê đất	707.272.727	30.303.034
Chi phí quản lý vận hành đường dây	311.540.571	-
Các khoản khác	148.488.291	45.975.228
<b>Dài hạn</b>	<b>1.512.828.545</b>	<b>716.939.482</b>
Chi phí thuê mái, thuê đất	1.123.860.620	666.072.043
Các khoản khác	388.967.925	50.867.439
<b>Cộng</b>	<b>2.680.130.134</b>	<b>793.217.744</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 – DN/HN

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Tại ngày 21/10/2021	2.611.910.201	47.038.441.509	5.212.277.127		54.862.628.837		
Tăng do hợp nhất kinh doanh	44.608.292.736	277.078.391.018	53.484.279.572		375.170.963.326		
Tại ngày 31/12/2021	<b>47.220.202.937</b>	<b>324.116.832.527</b>	<b>58.696.556.699</b>		<b>430.033.592.163</b>		
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại ngày 21/10/2021	140.139.797	2.867.566.060	424.632.010		3.432.337.867		
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.525.445.108	17.755.324.170	4.373.676.072		24.654.445.350		
Khấu hao trong kỳ	633.072.030	4.837.978.909	1.151.774.129		6.622.825.068		
Tại ngày 31/12/2021	<b>3.298.656.935</b>	<b>25.460.869.139</b>	<b>5.950.082.211</b>		<b>34.709.608.285</b>		
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 21/10/2021	2.471.770.404	44.170.875.449	4.787.645.117		51.430.290.970		
Tại ngày 31/12/2021	<b>43.921.546.002</b>	<b>298.655.963.388</b>	<b>52.746.474.488</b>		<b>395.323.983.878</b>		

**13. PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP**

	31/12/2021		21/10/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	4.902.163.345	4.902.163.345	1.465.721.115	1.465.721.115
Các nhà cung cấp khác	1.134.372.800	1.134.372.800	1.026.526.566	1.026.526.566
<b>Cộng</b>	<b>6.036.536.145</b>	<b>6.036.536.145</b>	<b>2.492.247.681</b>	<b>2.492.247.681</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 – DN/HN

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	21/10/2021		Trong kỳ		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tặng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>45.177.886.168</b>	<b>6.303.414.814</b>	<b>49.177.886.168</b>	<b>49.177.886.168</b>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>45.177.886.168</b>	<b>6.303.414.814</b>	<b>49.177.886.168</b>	<b>49.177.886.168</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	5.050.000.000	5.050.000.000	720.000.000	1.770.000.000	9.260.000.000	9.260.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN Hồ Chí Minh	-	-	1.084.875.000	1.084.875.000	4.339.500.000	4.339.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ban Mê	-	-	2.567.753.200	2.567.753.200	31.384.800.000	31.384.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Vạn Phúc	-	-	865.759.614	865.759.614	4.193.586.168	4.193.586.168
Đối tượng khác	-	-	15.027.000	15.027.000	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>36.750.000.000</b>	<b>36.750.000.000</b>	<b>286.491.186.996</b>	<b>48.098.859.468</b>	<b>275.142.327.528</b>	<b>275.142.327.528</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	36.750.000.000	36.750.000.000	28.255.000.000	5.410.000.000	59.595.000.000	59.595.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN Hồ Chí Minh	-	-	25.038.750.000	4.339.500.000	20.699.250.000	20.699.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ban Mê	-	-	187.586.006.800	34.047.846.800	153.538.160.000	153.538.160.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Vạn Phúc	-	-	45.611.430.196	4.301.512.668	41.309.917.528	41.309.917.528
<b>Cộng</b>	<b>41.800.000.000</b>	<b>41.800.000.000</b>	<b>291.744.601.810</b>	<b>54.402.274.282</b>	<b>324.320.213.696</b>	<b>324.320.213.696</b>



Toàn bộ khoản vay dài hạn của các công ty con của Công ty để tài trợ cho các dự án điện mặt trời tại các đơn vị này. Thời hạn của các khoản vay dài hạn là 84 - 114 tháng. Tài sản đảm bảo của các khoản vay này là toàn bộ tài sản cố định hình thành từ vốn vay (số dư tại ngày 31/12/2021).

Lịch trả nợ

	31/12/2021	21/10/2021
	VND	VND
Trong năm tiếp theo	49.177.886.168	5.050.000.000
Từ 02 - 05 năm	209.242.896.680	26.510.000.000
Trên 05 năm	65.899.430.848	10.240.000.000
<b>Cộng</b>	<b>324.320.213.696</b>	<b>41.800.000.000</b>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	21/10/2021	Số phải nộp trong kỳ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.341.638	189.522.259	337.404.439	-	665.268.336
Thuế thu nhập cá nhân	690.364	-	-	690.364	-
<b>Cộng</b>	<b>139.032.002</b>	<b>189.522.259</b>		<b>690.364</b>	<b>665.268.336</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	21/10/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	896.893.973	234.057.093
Chi phí đầu tư dự án điện mặt trời	2.907.592.891	-
Chi phí rửa pin	416.590.900	204.301.073
Các khoản chi phí khác	535.952.438	72.941.231
<b>Cộng</b>	<b>4.757.030.202</b>	<b>511.299.397</b>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động tình hình vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 21/10/2021	210.000.000.000	-	(506.356.465)	209.493.643.535
Lỗi trong kỳ	-		(620.589.193)	(620.589.193)
Tăng do hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung (*)	-	8.331.664.665	-	8.331.664.665
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>8.331.664.665</b>	<b>(1.126.945.658)</b>	<b>217.204.719.007</b>

(\*) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu phát sinh từ hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung toàn bộ các công ty con của Công ty. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con và giá trị tài sản thuần của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Ngày 20/10/2021, chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần Helio Power (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios) đã quyết định chuyển đổi từ công ty TNHH sang công ty cổ phần theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CSH. Ngày 21/10/2021, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 2 sau khi đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu như sau:**

	31/12/2021		21/10/2021	
	Tỷ lệ %	Vốn góp VND	Tỷ lệ %	Vốn góp VND
Công ty Cổ phần Helio Power (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios)	95,00%	199.500.000.000	95,00%	199.500.000.000
Ông Hoàng Thế Anh	2,50%	5.250.000.000	2,50%	5.250.000.000
Ông Phan Thành Đạt	2,50%	5.250.000.000	2,50%	5.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	210.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	200.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**Cổ phiếu**

	31/12/2021
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/cổ phiếu</i>	10.000

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021 VND
Doanh thu bán điện	11.268.698.219	7.901.688.494
Doanh thu khác	2.506.105	-
<b>Cộng</b>	<b>11.271.204.324</b>	<b>7.901.688.494</b>



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao	6.044.333.214	3.260.085.397
Chi phí thuê mái, thuê đất	492.272.063	658.855.018
Chi phí rửa pin	194.848.450	204.301.073
Chi phí mua ngoài và bằng tiền khác	511.012.741	320.926.323
<b>Cộng</b>	<b>7.242.466.468</b>	<b>4.444.167.811</b>

## 20. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.414.504.662	231.659.809
<b>Cộng</b>	<b>2.414.504.662</b>	<b>231.659.809</b>

## 21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	37.592.516	290.352.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.906.840	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	476.387.072	137.860.217
<b>Cộng</b>	<b>537.886.428</b>	<b>428.212.467</b>
<b>Trong đó</b>		
- Thù lao của ban kiểm soát	-	-

## 22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con là 20%. Riêng đối với các công ty con mới thành lập và thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Các công ty con tại các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- Các công ty con có dự án đầu tư mới tại huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi trong vòng 2 năm đầu tiên và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các công ty như sau:

	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Heaven Power	(73.370.293)	138.341.638
Công ty TNHH Apollo Power 2	9.505.607	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	7.307.003	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	15.252.336	-
Công ty TNHH Omega Power 3	1.043.265	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	21.580.254	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	11.033.879	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	10.745.980	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	10.757.777	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	8.611.239	-
Công ty TNHH KCP Energy	11.181.293	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	11.050.681	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	10.756.406	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	11.270.058	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	10.851.735	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	11.178.377	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	11.630.567	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	10.701.778	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	10.878.071	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	10.636.952	-
Công ty TNHH Solar Việt	10.613.096	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	11.684.905	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	11.720.409	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	3.104.085	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	2.379.464	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	8.602.052	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	8.815.283	-
<b>Cộng</b>	<b>189.522.259</b>	<b>138.341.638</b>

### 23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
	VND	VND
Các khoản chênh lệch khi tính thuế	586.938.780	-
- Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	586.938.780	-
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>117.387.756</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Từ 21/10/2021  
đến 31/12/2021

VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(620.589.193)
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(620.589.193)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(30)</b>

## 25. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Helio Power (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios)	Công ty mẹ sở hữu 95% vốn điều lệ
Công ty TNHH Apollo Power 1	Đơn vị có cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Đơn vị có cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Đơn vị có cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Đơn vị có cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Omega Power 4	Đơn vị có cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Atlas Power 1	Đơn vị có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli (trước là Công ty Cổ phần Helio Power)	Chung thành viên quản lý cấp cao (ông Hoàng Thế Anh)
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	Chung thành viên quản lý cấp cao (ông Hoàng Thế Anh)
Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hải Hà	Người liên quan gián tiếp của Công ty mẹ
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên quản lý chủ chốt của cổ đông lớn của Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

## Giao dịch với các bên có liên quan

	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>2.506.105</b>	-
Công ty TNHH Alpha Solar 2	2.506.105	-
<b>Mua hàng</b>	<b>231.477.361</b>	<b>124.324.344</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	25.903.226	106.096.774
Công ty TNHH Alpha Solar 4	1.937.727	7.885.473
Công ty TNHH Apollo Power 1	2.541.403	10.342.097
Công ty Cổ phần Helio Power	200.000.000	-
Công ty TNHH Alpha Solar 3	1.095.005	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### Giao dịch với các bên có liên quan (tiếp theo)

	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
	VND	VND
<b>Nhận góp vốn</b>	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios)	-	189.500.000.000
Ông Hoàng Thế Anh	-	5.250.000.000
Ông Phan Thành Đạt	-	5.250.000.000
<b>Mua lại công ty con</b>	184.805.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli (trước là Công ty Cổ phần Helio Power)	50.305.500.000	-
Ông Phan Thành Đạt	134.500.000.000	-
<b>Cho vay</b>	17.453.000.000	-
Bà Lê Thị Hải Hà	16.923.000.000	-
Ông Nguyễn Trung Hiếu	530.000.000	-
<b>Thu hồi cho vay</b>	100.000.000	-
Ông Nguyễn Trung Hiếu	100.000.000	-
<b>Lãi tiền cho vay</b>	453.854.137	-
Bà Lê Thị Hải Hà	339.387.288	-
Ông Nguyễn Trung Hiếu	114.466.849	-

### Thu nhập của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Từ 21/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến 20/10/2021
		VND	VND
Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch hội đồng quản trị	-	-
Ông Phan Thành Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	-	-

### Số dư với các bên liên quan

	31/12/2021	21/10/2021
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay</b>	22.063.000.000	-
Bà Lê Thị Hải Hà	16.923.000.000	-
Ông Nguyễn Trung Hiếu	5.140.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN/HN

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty được tổ chức theo từng các lĩnh vực hoạt động của đơn vị. Theo đó, Công ty thực hiện báo cáo bộ phận theo lĩnh vực hoạt động bao gồm: bán điện; hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác cụ thể như sau:

	Bán điện		Hoạt động nông nghiệp		Hoạt động khác		Tổng	Loại trừ hợp nhất		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND		VND	VND	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>										
Tài sản										
Tài sản bộ phận	695.842.546.065	41.267.611.110	-	-	-	737.110.157.175	(184.218.561.220)	552.891.595.955		
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	209.559.187	-	209.559.187		
<b>Tổng tài sản</b>	<b>695.842.546.065</b>	<b>41.267.611.110</b>	-	-	-	<b>737.319.716.362</b>	<b>(184.218.561.220)</b>	<b>553.101.155.142</b>		
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	335.113.780.043	-	-	-	-	335.113.780.043	117.387.756	335.231.167.799		
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	665.268.336	-	665.268.336		
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>335.113.780.043</b>	-	-	-	-	<b>335.779.048.379</b>	<b>117.387.756</b>	<b>335.896.436.135</b>		
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>										
Doanh thu thuần	11.268.698.219	-	-	2.506.105	-	11.271.204.324	-	11.271.204.324		
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	7.239.960.363	-	-	2.506.105	-	7.242.466.468	-	7.242.466.468		
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	6.148.244.785	-	-	-	-	6.148.244.785	-	6.148.244.785		
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>(2.119.506.929)</b>	-	-	-	-	<b>(2.119.506.929)</b>	-	<b>(2.119.506.929)</b>		
Thu nhập không phân bổ	-	-	-	-	-	2.416.434.197	-	2.416.434.197		
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	610.606.446	-	610.606.446		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	-	-	-	-	-	<b>(313.679.178)</b>	-	<b>(313.679.178)</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	306.910.015	-	306.910.015		
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	-	-	-	-	-	<b>(620.589.193)</b>	-	<b>(620.589.193)</b>		



**27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 25/03/2022, Công ty Cổ phần Helio Power - Công ty mẹ của Công ty đã ban hành nghị quyết phê duyệt việc đầu tư vào các dự án năng lượng mặt trời áp mái kết hợp mô hình nông nghiệp công nghệ cao tại tỉnh Đắk Nông có tổng công suất là 11 MWp dưới hình thức chỉ định các công ty con của Công ty sẽ nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại các doanh nghiệp dự án với tổng giá trị vốn đầu tư tối đa là 79,06 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty và các công ty con đang trong quá trình triển khai thực hiện.

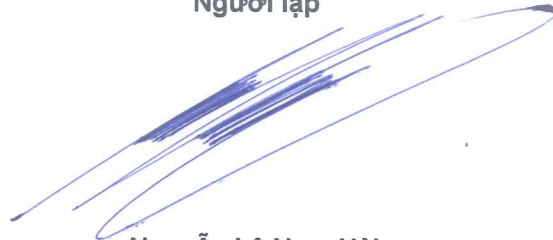
Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Kỳ hoạt động từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 là kỳ đầu tiên lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, theo đó số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 20/10/2021 đã được kiểm toán của Công ty mẹ. Số dư tại ngày 21/10/2021 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 20/10/2021 của Công ty TNHH Alpha Solar 1 chuyển sang (số liệu bàn giao), số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến 20/10/2021 (kỳ hoạt động cuối cùng) của Công ty TNHH Alpha Solar 1. Do đó, dữ liệu có thể không so sánh được tương ứng.

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập



Nguyễn Lê Nam Hải

Kế toán trưởng



Lê Thị Trang

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đạt

